

Số: /QĐ-BCĐCCHC

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2018
của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-BCĐCCHC ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, BCĐCCHC (2). ^{XH}

TRƯỞNG BAN

PHÓ THỦ TƯỚNG
Trương Hòa Bình

KẾ HOẠCH
Hoạt động năm 2018 của
Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐCCHC ngày tháng 02 năm 2018
của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm hoàn thành các mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành của các thành viên Ban Chỉ đạo trong công tác cải cách hành chính.

- Gắn kết công tác cải cách hành chính của các bộ, ngành, địa phương với việc xây dựng Chính phủ điện tử; tăng cường trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đơn vị và người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

- Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 một cách hiệu quả.

- Triển khai có kết quả một số nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách hành chính năm 2018.

- Xác định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban Chỉ đạo cần chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
A. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH				
1.	Tiếp tục triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011, Nghị quyết số 36a/NQ-CP, Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017; tăng cường giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; tăng cường công tác tuyên truyền cải cách hành chính; giải quyết các kiến nghị của bộ, ngành, địa phương liên quan đến cải cách hành chính.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan
2.	Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao tại các bộ, ngành, địa phương.	Năm 2018	Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
3.	Triển khai thực hiện Đề án thông tin tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
4.	Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực đội ngũ công chức chuyên trách cải cách hành chính".	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
5.	Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng Bản tin điện tử cải cách hành chính của Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
6.	Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của Chính phủ; đề cao trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính đối với các thành viên được giao chủ trì chương trình cải cách hành chính theo phân công của Chính phủ; định kỳ 6 tháng/lần, thực hiện kiểm điểm, đánh giá kết quả của các thành viên trước Ban Chỉ đạo.	Năm 2018	Các thành viên Ban Chỉ đạo; các bộ, ngành và địa phương	Các cơ quan có liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
7.	Tập trung triển khai Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành chính quyền các cấp; duy trì kỷ luật, kỷ cương hành chính.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Các bộ, ngành và địa phương	Các cơ quan có liên quan
8.	Tổng hợp, đề xuất việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong thực hiện cải cách hành chính.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
9.	Triển khai xác định và công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	Quý II năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
10.	Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.	Năm 2018	Bộ Nội vụ, Ủy ban trung ương MTTQVN, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam	Các bộ, ngành và địa phương
11.	Tổ chức kết nối, liên thông, điều phối, tích hợp, chia sẻ thông tin giữa Văn phòng Chính phủ với các bộ, ngành, địa phương; xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	Năm 2018 - 2019	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
12.	Xây dựng Nghị định về chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.	Quý IV năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương
B. XÂY DỰNG THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN				
B1. Nhóm nhiệm vụ chung				
13.	Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2017.	Năm 2018	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành và địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
14.	Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2014 - 2018 thống nhất trong cả nước; hướng dẫn các bộ, ngành thực hiện pháp điển các đề mục theo Kế hoạch.	Năm 2018	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương
B2. Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính				
15.	Tổ chức thực hiện và đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020.	Năm 2018	- Các bộ, ngành, địa phương; - Các bộ được giao đầu mối tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết 35/NQ-CP	Văn phòng Chính phủ
16.	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ
17.	Đẩy mạnh công tác theo dõi thi hành pháp luật với công tác xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận và lĩnh vực được xác định trọng tâm theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, như: Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân.	Năm 2018	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp
18.	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định về hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp, thay thế cho Nghị định số 66/2008/NĐ-CP ngày 28/5/2008 đảm bảo thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Năm 2018	Bộ Tư pháp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ
19.	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016	Quý III năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và cơ quan có liên

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	của Chính phủ về điều kiện kinh doanh cửa hàng miễn thuế, kho, bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan.			quan
20.	Xây dựng Nghị định hướng dẫn thực hiện hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN - ACTS.	Quý IV năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
21.	Xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước.	Quý III năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
22.	Xây dựng Nghị định về nghiệp vụ quản lý nợ công; Nghị định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch công cụ nợ của Chính phủ; Nghị định về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.	Quý II năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
23.	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.	Quý II năm 2018	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
24.	Xây dựng Nghị định của Chính phủ về điều kiện đầu tư kinh doanh sân golf.	Quý IV năm 2018	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
25.	Đơn giản hóa, công khai, minh bạch mọi thủ tục hành chính tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp thực hiện và giám sát, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính và kiến nghị sửa đổi những quy định về thủ tục không còn phù hợp gây vướng mắc, khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ
26.	Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
	thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng; bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công; lý lịch tư pháp, hộ tịch... Tiếp tục cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh và chi phí cho doanh nghiệp.			
27.	Nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các giải pháp tạo chuyển biến mạnh mẽ, cải thiện căn bản các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh; thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại với doanh nghiệp, kịp thời xử lý những phản ánh và kiến nghị của doanh nghiệp.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Các cơ quan có liên quan
28.	Nghiên cứu và xây dựng Đề án chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội có đủ năng lực đảm nhiệm một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà các cơ quan hành chính nhà nước không nhất thiết phải thực hiện; đổi mới phương pháp, cách thức giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, hiệu quả, thuận tiện, phục vụ theo nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ
29.	Rà soát, lựa chọn các thủ tục hành chính đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo quy định của pháp luật để tăng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, bảo đảm thực hiện được mục tiêu Quốc hội giao.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông
30.	Tăng cường đổi mới phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; giảm hội họp, đơn giản hóa chế độ báo cáo; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp; thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông và các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; xử lý dứt điểm và công khai kết quả xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
31.	Xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, theo dõi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	Năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
32.	Tổ chức đối thoại giữa cơ quan nhà nước với cộng đồng doanh nghiệp; nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp, người dân về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; cho ý kiến về phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, điều kiện kinh doanh do các bộ, ngành đề xuất bảo đảm hợp lý, khả thi; đánh giá và công bố định kỳ hàng năm việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính tại bộ, ngành, địa phương.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính	Các bộ, ngành và địa phương
33.	Tiếp tục triển khai vận hành và nâng cao hiệu quả cổng thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính; công khai kết quả tiếp nhận, xử lý kiến nghị. Người đứng đầu bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện nghiêm quy định về giải trình và giải quyết các kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.	Năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành và địa phương
34.	Triển khai thực hiện các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thủ tục, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.	Năm 2018	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan
35.	Trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông.	Năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
36.	Triển khai thực hiện Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định của Chính phủ.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	
37.	Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
38.	Nghiên cứu, xây dựng Đề án “Triển khai thực hiện và cung ứng dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính công ích” nhằm phát huy vai trò, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp bưu chính công ích trong cung ứng dịch vụ hành chính công; góp phần thúc đẩy sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính và tinh giản biên chế.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành và địa phương
39.	Xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành.	Năm 2018	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Bộ Công an

B3. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

40.	Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ
41.	Triển khai thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
42.	Hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính theo danh mục đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ
43.	Chấm dứt việc tự phê duyệt và giao biên chế vượt quá số đã được cấp có thẩm quyền giao. Xây dựng kế hoạch và giải pháp để giải quyết dứt điểm số biên chế vượt quá số biên chế được giao. Các cơ quan, đơn vị chưa sử dụng hết số biên chế được giao phải xem xét, cắt giảm phù hợp. Giảm tối thiểu 2,5% biên chế được giao so với năm 2015.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ
44.	Rà soát, hoàn thiện thể chế về quản lý cán bộ, công chức, viên chức.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương

B4. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

45.	Triển khai thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
46.	Kiến toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; thu gọn đầu mối bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng cục.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
47.	Giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2021.	Quý IV năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ
48.	Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc bộ, ngành, địa phương bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu quả và gắn kết chặt chẽ với các chính sách tinh giản biên chế.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Nội vụ
49.	Hoàn thiện các nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương
50.	Xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.	Quý II năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành và địa phương

B5. Về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập

51.	Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.	Năm 2018	Các bộ, ngành	Bộ Tài chính
52.	Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính
53.	Triển khai thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với tổ chức sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Tài chính

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
54.	Triển khai thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ
B6. Về hiện đại hoá hành chính				
55.	Triển khai thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông
56.	Nâng cao chất lượng phục vụ và tính công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước thông qua đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức.	Năm 2018	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ
57.	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ, tỉnh.	2018 - 2019	Các bộ, ngành và địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan
58.	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử; trong đó, tập trung vào các giải pháp xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Chính phủ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Văn phòng Chính phủ	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan có liên quan
59.	Xây dựng và đưa vào vận hành Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với cổng dịch vụ công các bộ, ngành, địa phương.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
60.	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt.	2018 - 2019	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan
61.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công việc. Cuối năm 2018, các vụ, cục, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xử lý được hồ sơ công việc trên môi trường mạng.	Năm 2018	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan
62.	Xây dựng Đề án thực hiện nhiệm vụ lưu trữ thông tin số trong các cơ quan nhà nước.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các cơ quan có liên quan
63.	Phát triển công nghệ ngân hàng và dịch vụ thanh toán; hoàn thiện, phát triển các hệ thống thanh toán; nâng cao hiệu quả và tính an toàn trong hệ thống thanh toán của ngân hàng Việt Nam. Từng bước xây dựng, triển khai, ứng dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản cho hạ tầng công nghệ thông tin và các hệ thống thông tin nghiệp vụ ngân hàng theo thông lệ quốc tế.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các cơ quan có liên quan
64.	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.	Quý III năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương
65.	Xây dựng Nghị định sửa Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ (phần hóa đơn điện tử).	Quý I năm 2018	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
66.	Triển khai hiệu quả Chương trình phối hợp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính giai đoạn 2017 - 2020.	Cả năm 2018	Bộ Nội vụ và Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
67.	Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ văn bản chỉ đạo Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành quy định bắt buộc người đứng đầu các cơ quan nhà nước sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành để tăng cường trao đổi văn bản điện tử, đổi mới phong cách làm việc và đảm bảo hiệu quả đầu tư; tham gia trực tiếp chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
68.	Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ văn bản chỉ đạo Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ưu tiên bố trí kinh phí xây dựng Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
69.	Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để bảo đảm khung pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử.	Năm 2018 và các năm tiếp theo	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương
70.	Thực hiện giải pháp triển khai xây dựng phần mềm giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến thống nhất tại các bộ, cơ quan và địa phương.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan
71.	Rà soát, đánh giá hoạt động của hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, nhà nước, chịu trách nhiệm bảo đảm, duy trì hoạt động của hệ thống Mạng này phục vụ triển khai các ứng dụng Chính phủ điện tử cho các cơ quan nhà nước.	Quý II năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
72.	Nâng cao chỉ số đánh giá về Chính phủ điện tử của Liên hợp quốc đối với cả ba nhóm chỉ số dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ tầng viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI); phối hợp với các cơ quan điều tra, đánh giá của Liên hợp quốc để kịp thời cung cấp thông tin chính xác, cập nhật về tình hình xây dựng, triển khai Chính phủ điện tử tại các cơ quan nhà nước của Việt Nam.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương
73.	Hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp công nghệ thông tin, trước hết là các doanh nghiệp nhà nước nòng cốt, có giải pháp huy động, tập hợp các doanh nghiệp công nghệ thông tin vừa và nhỏ tham gia xây dựng, vận hành hệ thống thông tin để phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương tới doanh nghiệp, người dân; phát triển các hệ thống, phần mềm ứng dụng tích hợp cho Chính phủ điện tử.	Năm 2018	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương và cơ quan có liên quan
74.	Tiếp tục duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; mở rộng hệ thống quản lý chất lượng đối với các hoạt động nội bộ; từng bước triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 điện tử.	Năm 2018	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương
C. CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
75.	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính tại các bộ, ngành và địa phương năm 2018 của các thành viên Ban Chỉ đạo.	Năm 2018	Các thành viên Ban Chỉ đạo	Các bộ, ngành và địa phương
76.	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đề xuất xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.	Năm 2018	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp
77.	Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành và địa phương triển khai việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.	Năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành và địa phương
78.	Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của các bộ, ngành trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của các bộ, ngành.	Năm 2018	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, cơ quan ngang bộ
79.	Tiếp tục triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.	Năm 2018	Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ, là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm:

- Đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo, các bộ, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch.
- Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch, kịp thời đề xuất với Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết.
- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.
- Phối hợp với Bộ Tài chính để lập và phân bổ kinh phí hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra của Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm:

- Chủ động chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2018 của bộ, ngành mình.
- Trên cơ sở kế hoạch của Ban Chỉ đạo, cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể để triển khai thực hiện đối với các nhiệm vụ được phân công.

- Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra cải cách hành chính năm 2018 theo Kế hoạch kiểm tra của Ban Chỉ đạo, báo cáo Ban Chỉ đạo (qua Văn phòng Ban Chỉ đạo) kết quả kiểm tra theo quy định.

- Chủ động đề xuất với Trưởng Ban Chỉ đạo và Bộ Nội vụ về những nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ cần có sự phối hợp, đôn đốc từ Ban Chỉ đạo; tập trung đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành, tăng cường trách nhiệm, đề xuất sáng kiến cải cách hành chính./.

TRƯỞNG BAN

PHÓ THỦ TƯỚNG
Trương Hòa Bình